



**Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các
công ty con**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho
kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017



Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận	4103006066	ngày 8 tháng 2 năm 2007
Đăng ký Doanh Nghiệp số	4103006066	ngày 29 tháng 6 năm 2009
	0301445210	ngày 6 tháng 7 năm 2011
	0301445210	ngày 15 tháng 4 năm 2013
	0301445210	ngày 26 tháng 8 năm 2014
	0301445210	ngày 21 tháng 7 năm 2015

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh Nghiệp đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh Nghiệp số 0301445210 vào ngày 21 tháng 7 năm 2015. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh Nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Quyết định cổ phần hóa	3241/QĐ-BCN	ngày 14 tháng 11 năm 2006
-------------------------------	-------------	---------------------------

Hội đồng Quản trị	Ông Nguyễn Đức Khiêm	Chủ tịch
	Ông Nguyễn Hữu Phú	Thành viên
	Ông Diệu Chí Hào	Thành viên
	Bà Trần Thị Thanh Phương	Thành viên
	Ông Lê Nguyên Ngọc	Thành viên (từ ngày 19 tháng 4 năm 2017)
	Ông Lê Thiết Hùng	Thành viên (đến ngày 19 tháng 4 năm 2017)

Ban Tổng Giám đốc	Ông Nguyễn Đức Khiêm	Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Hữu Phú	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Lê Nguyên Ngọc	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Quang Minh	Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 1 tháng 6 năm 2017)
	Ông Lê Thiết Hùng	Kế toán trưởng

Trụ sở đăng ký	127 Đường Lê Văn Chí Phường Linh Trung Quận Thủ Đức Việt Nam
-----------------------	---

Công ty kiểm toán	Công ty TNHH KPMG Việt Nam
--------------------------	-------------------------------

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm của Công ty và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”) cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được trình bày từ trang 5 đến trang 49 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Tập đoàn sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Nguyễn Đức Khiêm
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 8 năm 2017



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84-8 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi các Cổ đông Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm của Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP (“Công ty”) và các công ty con, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 25 tháng 8 năm 2017, được trình bày từ trang 5 đến trang 49.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Báo cáo soát xét số: 17-02-144-f



Hà Vũ Đình

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề

kiểm toán số 0414-2013-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 8 năm 2017

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2017

Mẫu B 01a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 130 + 140 + 150)	100		995.180.082.065	996.450.220.105
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	8	118.431.452.701	170.919.468.478
Tiền	111		25.461.452.701	74.419.468.478
Các khoản tương đương tiền	112		92.970.000.000	96.500.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		416.612.469.362	370.047.502.714
Phải thu của khách hàng	131	9(a,b)	357.178.465.268	343.661.658.969
Trả trước cho người bán	132		46.481.020.277	20.866.549.027
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	10	9.000.000.000	-
Phải thu khác	136	9(c)	4.144.551.247	5.990.862.148
Dự phòng phải thu khó đòi	137		(191.567.430)	(471.567.430)
Hàng tồn kho	140	11	447.966.983.959	445.767.031.712
Hàng tồn kho	141		449.089.275.917	447.550.001.521
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.122.291.958)	(1.782.969.809)
Tài sản ngắn hạn khác	150		12.169.176.043	9.716.217.201
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.531.680.945	380.469.141
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		10.618.538.224	9.335.748.060
Thuế phải thu Nhà nước	153		18.956.874	-

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 230 + 240 + 250 + 260)	200		774.714.080.718	791.366.821.150
Các khoản phải thu dài hạn	210		235.000.000	245.000.000
Phải thu dài hạn khác	216		235.000.000	245.000.000
Tài sản cố định	220		673.639.778.301	712.826.980.804
Tài sản cố định hữu hình	221	12	673.473.111.641	712.635.314.145
Nguyên giá	222		1.496.787.001.239	1.482.582.665.534
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(823.313.889.598)	(769.947.351.389)
Tài sản cố định vô hình	227	13	166.666.660	191.666.659
Nguyên giá	228		1.139.772.808	1.139.772.808
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(973.106.148)	(948.106.149)
Bất động sản đầu tư	230	14	41.093.379.511	42.701.172.895
Nguyên giá	231		70.468.849.375	70.468.849.375
Giá trị hao mòn lũy kế	232		(29.375.469.864)	(27.767.676.480)
Tài sản dở dang dài hạn	240		17.047.884.672	2.661.750.000
Xây dựng cơ bản dở dang	242	15	17.047.884.672	2.661.750.000
Đầu tư tài chính dài hạn	250	16	18.168.609.925	18.146.914.986
Đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết	252		10.418.609.925	10.396.914.986
Đầu tư dài hạn khác	258		7.750.000.000	7.750.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		24.529.428.309	14.785.002.465
Chi phí trả trước dài hạn	261	17	24.529.428.309	14.785.002.465
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.769.894.162.783	1.787.817.041.255

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		1.108.580.731.806	1.162.998.920.631
Nợ ngắn hạn	310		966.412.624.999	983.281.501.209
Phải trả người bán	311	18	170.095.357.566	138.332.218.754
Người mua trả tiền trước	312		6.926.659.210	6.034.706.058
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	19	14.811.724.749	7.694.733.336
Phải trả người lao động	314		33.365.926.893	57.862.357.084
Chi phí phải trả	315	20	1.741.981.130	11.222.883.677
Phải trả khác	319	21	22.485.625.073	61.347.835.271
Vay ngắn hạn	320	22(a)	700.071.874.648	693.121.727.592
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	23	16.913.475.730	7.665.039.437
Nợ dài hạn	330		142.168.106.807	179.717.419.422
Phải trả dài hạn khác	337		1.661.301.000	1.701.301.000
Vay dài hạn	338	22(b)	140.506.805.807	178.016.118.422
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		661.313.430.977	624.818.120.624
Vốn chủ sở hữu	410	24	661.313.430.977	624.818.120.624
Vốn cổ phần	411	25	210.000.000.000	210.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		3.062.727.273	3.062.727.273
Quỹ đầu tư và phát triển	418	27	69.496.458.985	67.727.440.187
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		306.410.879.171	272.785.481.312
- LNST chưa phân phối đến cuối kỳ trước	421a		259.546.525.444	214.504.704.058
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		46.864.353.727	58.280.777.254
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		72.343.365.548	71.242.471.852
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		1.769.894.162.783	1.787.817.041.255

Ngày 25 tháng 8 năm 2017

Người lập



Lê Thiết Hùng
Kế toán trưởng

Người duyệt:




Nguyễn Đức Khiêm
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017

Mẫu B 02a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2017 VND	30/6/2016 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	29	1.306.623.142.909	1.113.907.350.576
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	29	1.134.570.028	491.061.165
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	29	1.305.488.572.881	1.113.416.289.411
Giá vốn hàng bán	11	30	1.154.601.996.550	971.305.606.469
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		150.886.576.331	142.110.682.942
Doanh thu hoạt động tài chính	21	31	5.597.201.877	7.370.041.150
Chi phí tài chính	22	32	15.747.258.817	16.478.174.920
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>14.800.188.623</i>	<i>14.413.867.368</i>
Lãi trong công ty liên doanh, liên kết	24		21.694.939	1.055.629.476
Chi phí bán hàng	25	33	31.136.990.548	25.625.650.813
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	34	48.660.037.110	52.953.481.845
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26)}	30		60.961.186.672	55.479.045.990
Thu nhập khác	31	35	858.944.466	25.491.037.909
Chi phí khác	32		35.282.674	779.838.592
Kết quả hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		823.661.792	24.711.199.317

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 02a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2017 VND	30/6/2016 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		61.784.848.464	80.190.245.307
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	37	13.043.797.256	16.866.796.399
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)	60		48.741.051.208	63.323.448.908
Phân bổ:				
Lợi nhuận sau thuế thuộc các cổ đồng của công ty mẹ	61		46.864.353.727	60.501.643.043
Lợi nhuận sau thuế của cổ đồng không kiểm soát	62		1.876.697.481	2.821.805.865
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	38	2.008	2.726

Ngày 25 tháng 8 năm 2017

Người lập:



Lê Thiết Hùng
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Đức Khiêm
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2017 (Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2017 VND	30/6/2016 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01		61.784.848.464	80.190.245.307
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		57.295.351.014	56.556.800.463
Các khoản dự phòng	03		(940.677.851)	754.285.670
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(233.683.573)	(2.664.905.354)
Lợi nhuận từ hoạt động đầu tư	05		(2.824.529.917)	(26.808.591.788)
Chi phí lãi vay	06		14.800.188.623	14.413.867.368
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		129.881.496.760	122.441.701.666
Biến động các khoản phải thu	09		(41.027.640.658)	(64.120.525.919)
Biến động hàng tồn kho	10		(1.539.274.396)	(70.556.070.533)
Biến động các khoản phải trả và nợ khác	11		(12.179.636.351)	114.287.536.423
Biến động chi phí trả trước	12		(10.895.637.648)	(513.057.747)
			64.239.307.707	101.539.583.890
Tiền lãi vay đã trả	14		(14.800.188.623)	(14.413.867.368)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(10.794.740.013)	(14.721.827.828)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	10.000.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(2.767.229.562)	(2.216.440.451)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		35.877.149.509	70.197.448.243

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2017 VND	30/6/2016 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua sắm tài sản cố định	21		(13.838.605.127)	(59.449.309.928)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22		118.990.909	378.409.091
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(12.250.000.000)	(10.200.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của các đơn vị khác	24		3.250.000.000	2.200.000.000
Tiền thu lãi lãi tiền gửi và cổ tức	27		5.163.379.375	26.954.553.221
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(17.556.234.843)	(40.116.347.616)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ đi vay	33		922.508.921.188	836.736.750.390
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(953.007.408.346)	(846.739.232.004)
Tiền chi trả cổ tức	36		(40.485.533.700)	(42.269.064.875)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(70.984.020.858)	(52.271.546.489)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50		(52.663.106.192)	(22.190.445.862)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60		170.919.468.478	46.130.688.595
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		175.090.415	374.260.778
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70	8	118.431.452.701	24.314.503.511

Ngày 25 tháng 8 năm 2017

Người lập

 Lê Thiết Hùng
 Kế toán trưởng

Người duyệt:


 Nguyễn Đức Khiêm
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2017

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 17 tháng 7 năm 2017, mã số TVT. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 bao gồm Công ty và các công ty con (được gọi chung là “Tập đoàn”) và các lợi ích của Tập đoàn tại công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Tập đoàn là sản xuất và mua bán sản phẩm bông, xơ, sợi, vải, sản phẩm may mặc; mua bán máy móc thiết bị, hóa chất và nguyên vật liệu xây dựng (trừ hóa chất độc hại mạnh); xây dựng dân dụng và công nghiệp; kinh doanh bất động sản; lắp đặt máy móc ngành thiết bị công nghiệp, kinh doanh vận tải hàng hóa bằng đường bộ.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tập đoàn nằm trong phạm vi 12 tháng.

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(d) Cấu trúc Tập đoàn

Sau đây là danh sách các công ty con, công ty liên doanh, liên kết tại ngày 30 tháng 6 năm 2017:

Tên	Địa chỉ	30/6/2017 % sở hữu và quyền biểu quyết	1/1/2017
Công ty con trực tiếp			
Công ty cổ phần May Việt Thắng	127 Lê Văn Chí, Phường Linh Trung, Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh	52,27%	52,27%
Công ty Cổ phần Nguyên phụ liệu Dệt may Bình An	127 Lê Văn Chí, Phường Linh Trung, Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh	58,55%	58,55%
Công ty liên doanh, liên kết			
Công ty TNHH Việt Thắng Luch I	127 Lê Văn Chí, Phường Linh Trung, Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh	50,00%	50,00%
Công ty Cổ phần Thương mại Dệt may Thành phố Hồ Chí Minh	96 Lý Tự Trọng, Phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh	20,00%	20,00%

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, Tập đoàn có 3.107 nhân viên (1/1/2017: 3.129 nhân viên).

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tập đoàn là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

Những chính sách kế toán được Tập đoàn áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất năm gần nhất.

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Công ty con

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Tập đoàn. Báo cáo tài chính của công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Việc thoái vốn của Tập đoàn trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của công ty con và số thu hoặc chi từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

(iii) Mất quyền kiểm soát

Khi mất quyền kiểm soát tại một công ty con, Tập đoàn dừng ghi nhận tài sản và nợ phải trả của công ty con cũng như lợi ích cổ đông không kiểm soát và các cấu phần vốn chủ sở hữu khác. Lãi hoặc lỗ phát sinh từ sự kiện này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau khi thoái vốn phần lợi ích còn lại trong công ty con trước đó (nếu có) được ghi nhận theo giá trị ghi sổ còn lại của khoản đầu tư trên báo cáo tài chính hợp nhất của công ty mẹ, sau khi được điều chỉnh theo tỷ lệ tương ứng cho những thay đổi trong vốn chủ sở hữu kể từ ngày mua nếu Tập đoàn vẫn còn ảnh hưởng đáng kể trong đơn vị nhận đầu tư, hoặc trình bày theo giá gốc của khoản đầu tư còn lại nếu không còn ảnh hưởng đáng kể.

(iv) Công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát (các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu)

Công ty liên kết là những công ty mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát là những cơ sở kinh doanh mà Tập đoàn có quyền đồng kiểm soát được thiết lập bằng thỏa thuận hợp đồng và đòi hỏi sự nhất trí của các bên liên doanh đối với các quyết định chiến lược về tài chính và hoạt động. Công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu (gọi chung là các đơn vị nhận đầu tư đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu). Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Tập đoàn được hưởng trong thu nhập và chi phí của các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tập đoàn, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể hoặc quyền đồng kiểm soát đối với các đơn vị này. Khi phần lỗ của đơn vị nhận đầu tư mà Tập đoàn phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Tập đoàn trong đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Tập đoàn có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho đơn vị nhận đầu tư.

(v) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các số dư trong nội bộ Tập đoàn và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Tập đoàn tại đơn vị nhận đầu tư.

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(vi) Hợp nhất kinh doanh

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp mua tại ngày mua, là ngày mà quyền kiểm soát được chuyển giao cho Tập đoàn. Sự kiểm soát tồn tại khi Tập đoàn có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của đơn vị đó. Việc đánh giá quyền kiểm soát có xét đến quyền bỏ phiếu tiềm năng có thể thực hiện được tại thời điểm hiện tại.

(b) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND lần lượt theo tỷ giá mua chuyển khoản và tỷ giá bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty hoặc các công ty con thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

(c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(d) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc của Công ty hoặc các công ty con dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi mà bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư.

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác mà Công ty không nắm giữ quyền kiểm soát hoặc ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các chứng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(e) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(f) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(g) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu thường được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được do việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hoá như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa	6 – 38 năm
▪ máy móc và thiết bị	3 – 12 năm
▪ phương tiện vận chuyển	6 – 8 năm
▪ thiết bị văn phòng	5 – 9 năm

(h) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm vi tính

Giá mua của phần mềm vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Nguyên giá phần mềm vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 5 năm.

(i) Bất động sản đầu tư

(i) Nguyên giá

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư bao gồm giá mua, chi phí quyền sử dụng đất và bất kỳ chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động cho mục đích sử dụng dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được do việc sử dụng bất động sản đầu tư vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hoá như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa	8 – 16 năm
-----------	------------

(j) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(k) Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh trong việc mua lại công ty con, công ty liên kết và liên doanh. Lợi thế thương mại được xác định theo giá gốc trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Giá gốc của lợi thế thương mại là khoản chênh lệch giữa chi phí mua và lợi ích của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng của đơn vị bị mua. Khoản chênh lệch âm (lãi từ giao dịch mua giá rẻ) được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Lợi thế thương mại phát sinh khi mua công ty con được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm. Giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại phát sinh khi mua công ty con được ghi giảm xuống bằng giá trị có thể thu hồi khi Ban Giám đốc xác định khoản lợi thế thương mại không thể thu hồi toàn bộ.

Đối với các khoản đầu tư được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại được ghi trong giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

(l) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tập đoàn nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(ii) Chi phí bảo trì

Chi phí bảo trì lớn được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm kể từ ngày hoàn tất việc bảo trì.

(m) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác thể hiện theo giá gốc.

(n) Vốn cổ phần

(i) Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được phân loại như vốn chủ sở hữu. Phần vốn góp lớn hơn mệnh giá cổ phiếu phát hành được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần. Chi phí phát sinh trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu phổ thông được ghi nhận như khoản giảm trừ vào thặng dư vốn cổ phần.

(ii) Quỹ thuộc vốn chủ sở hữu

Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập mỗi năm từ lợi nhuận chưa phân phối theo tỷ lệ do các cổ đông quyết định trong đại hội cổ đông thường niên.

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(o) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ hợp nhất của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(p) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu hàng bán được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(ii) Dịch vụ gia công

Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi hàng hoá được gia công xong và được người mua chấp nhận. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố trọng yếu không chắc chắn liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Doanh thu cho thuê

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê.

(iv) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(v) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

(q) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(r) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là một chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(s) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi cho kỳ kế toán báo cáo) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân đang lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng, bao gồm trái phiếu có thể chuyển đổi và quyền mua cổ phiếu. Trong kỳ, Tập đoàn không có cổ phiếu pha loãng tiềm năng nên việc trình bày lãi trên cổ phiếu pha loãng chưa được áp dụng.

(t) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Ban Tổng Giám đốc đánh giá rằng Tập đoàn hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất là sản xuất và kinh doanh dệt may.

(u) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Tập đoàn nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tập đoàn và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan đề cập tới các nhà đầu tư và công ty mẹ cấp cao nhất và các công ty con và công ty liên kết của công ty mẹ này.

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

4. Tính thời vụ của các hoạt động kinh doanh

Tập đoàn hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực dệt may, và lĩnh vực này thường không bị ảnh hưởng bởi tính thời vụ.

5. Các thay đổi trong ước tính kế toán

Khi lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, Ban Giám đốc thực hiện một số ước tính kế toán. Kết quả thực tế có thể khác với các ước tính kế toán này. Không có sự thay đổi đáng kể về ước tính kế toán so với các ước tính đã được lập trong các báo cáo tài chính hợp nhất năm gần đây nhất hoặc các ước tính đã được lập trong báo cáo giữa niên độ cùng kỳ năm trước.

6. Các thay đổi trong cơ cấu của Tập đoàn

Không có sự thay đổi về cơ cấu của Tập đoàn từ khi kết thúc kỳ kế toán năm gần nhất có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017.

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

7. Báo cáo bộ phận

Bộ phận chia theo vùng địa lý

	Trong nước		Xuất khẩu		Tổng	
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày
	30/6/2017	30/6/2016	30/6/2017	30/6/2016	30/6/2017	30/6/2016
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu bán ra bên ngoài	839.780.649.906	734.080.797.069	465.707.922.975	379.335.492.342	1.305.488.572.881	1.113.416.289.411
Chi tiêu vốn	30.886.489.799	59.449.309.928	-	-	30.886.489.799	59.449.309.928
	30/6/2017	1/1/2017	30/6/2017	1/1/2017	30/6/2017	1/1/2017
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tài sản của bộ phận	1.769.894.162.783	1.787.817.041.255	-	-	1.769.894.162.783	1.787.817.041.255

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

8. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2017	1/1/2017
	VND	VND
Tiền mặt	632.009.225	880.888.517
Tiền gửi ngân hàng	24.829.443.476	73.538.579.961
Các khoản tương đương tiền (*)	92.970.000.000	96.500.000.000
	118.431.452.701	170.919.468.478

(*) Các khoản tương đương tiền tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 bao gồm khoản tiền 14.970 triệu VND (1/1/2017: không) được thế chấp ở ngân hàng để mở một thư tín dụng cho mục đích mua máy móc thiết bị.

9. Phải thu của khách hàng

(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng lớn

	30/6/2017	1/1/2017
	VND	VND
Supreme International LLC	52.746.945.806	74.703.762.226
Hộ kinh doanh Bùi Đức Nhạc	24.015.108.050	13.973.813.730
Công Ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Quế Hương	15.247.100.079	23.396.805.934
Các khách hàng khác	265.169.311.333	231.587.277.079
	357.178.465.268	343.661.658.969

(b) Phải thu của khách hàng là bên liên quan

	30/6/2017	1/1/2017
	VND	VND
Công ty TNHH Việt Thắng Luch I – công ty liên doanh	5.496.587.607	2.961.339.723
Các bên liên quan khác:		
Công ty TNHH MTV Dệt Kim Đông Phương	8.885.272.443	7.620.052.565
Công ty Cổ phần Quốc Tế Phong Phú	108.651.612	990.079.793
Công ty TNHH Thời trang Hiệp Thắng	156.823.005	-
Công ty Cổ phần May Nhà Bè	626.620.830	556.087.620

Khoản thương mại phải thu từ các bên liên quan không có đảm bảo, không hưởng lãi và có thời hạn phải thu là 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, các khoản phải thu với giá trị ghi sổ 22.700 triệu VND (1/1/2017: không) đã được dùng để thế chấp ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn (Thuyết minh 22).

Biến động trong kỳ của dự phòng các khoản phải thu khó đòi như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017	30/06/2016
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	471.567.430	-
Trích lập	-	754.285.670
Hoàn nhập	(280.000.000)	-
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối kỳ	191.567.430	754.285.670
	<hr/>	<hr/>

(c) Phải thu khác

	30/6/2017	1/1/2017
	VND	VND
Cổ tức phải thu	1.330.922.000	3.790.823.000
Các khoản phải thu khác từ các bên liên quan	150.496.970	149.445.288
Tạm ứng	730.651.679	295.991.897
Lãi tiền gửi phải thu	809.986.528	829.620.834
Phải thu khác	1.122.494.070	924.981.129
	<hr/>	<hr/>
	4.144.551.247	5.990.862.148
	<hr/>	<hr/>

Cổ tức phải thu và các khoản phải thu khác từ các bên liên quan không có đảm bảo, không chịu lãi và có thể thu được theo yêu cầu.

10. Phải thu về cho vay ngắn hạn

Khoản phải thu về cho vay ngắn hạn là khoản vay phải thu từ Công ty TNHH Việt Thắng Luch I, công ty liên kết, không có đảm bảo và hưởng lãi suất 5%/năm trong kỳ. Nợ gốc vay có thể thu được theo yêu cầu.

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

11. Hàng tồn kho

	30/6/2017		1/1/2017	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi trên đường	6.672.049.069	-	40.078.641.009	-
Nguyên vật liệu	146.645.410.115	-	95.548.200.574	-
Công cụ và dụng cụ	80.819.691	-	92.183.028	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	63.801.626.040	-	52.473.847.148	-
Thành phẩm	214.891.657.403	1.122.291.958	241.256.217.409	1.782.969.809
Hàng hóa	579.926.976	-	917.073.370	-
Hàng gửi đi bán	16.417.786.623	-	17.183.838.983	-
	449.089.275.917	1.122.291.958	447.550.001.521	1.782.969.809

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 hàng tồn kho với giá trị ghi sổ là 22.700 triệu VND (1/1/2017: 90.500 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn (Thuyết minh 22).

Biến động trong kỳ của dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017 VND	30/06/2016 VND
Số dư đầu kỳ	1.782.969.809	-
Hoàn nhập	(660.677.851)	-
Số dư cuối kỳ	1.122.291.958	-

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

12. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu kỳ	208.612.270.406	1.262.114.679.459	11.189.177.305	666.538.364	1.482.582.665.534
Tăng trong kỳ	1.131.380.422	11.216.809.560	1.010.148.000	-	13.358.337.982
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	3.142.017.145	-	-	3.142.017.145
Thanh lý	-	(2.059.445.522)	(186.573.900)	(50.000.000)	(2.296.019.422)
Số dư cuối kỳ	209.743.650.828	1.274.414.060.642	12.012.751.405	616.538.364	1.496.787.001.239
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	107.794.992.051	653.214.131.506	8.404.400.586	533.827.246	769.947.351.389
Khấu hao trong kỳ	5.294.972.647	49.905.456.309	421.578.677	40.549.998	55.662.557.631
Thanh lý	-	(2.059.445.522)	(186.573.900)	(50.000.000)	(2.296.019.422)
Số dư cuối kỳ	113.089.964.698	701.060.142.293	8.639.405.363	524.377.244	823.313.889.598
Giá trị còn lại					
Số dư đầu kỳ	100.817.278.355	608.900.547.953	2.784.776.719	132.711.118	712.635.314.145
Số dư cuối kỳ	96.653.686.130	573.353.918.349	3.373.346.042	92.161.120	673.473.111.641

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Bao gồm trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản có nguyên giá 329.096 triệu VND đã được khấu hao hết tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 (1/1/2017: 317.080 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 453.467 triệu VND (1/1/2017: 485.622 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn (Thuyết minh 22).

13. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm vi tính VND
Nguyên giá	
Số dư đầu kỳ và số dư cuối kỳ	1.139.772.808
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu kỳ	948.106.149
Khấu hao trong kỳ	24.999.999
Số dư cuối kỳ	973.106.148
Giá trị còn lại	
Số dư đầu kỳ	191.666.659
Số dư cuối kỳ	166.666.660

Trong tài sản cố định vô hình có các tài sản với nguyên giá 890 triệu VND đã được khấu hao hết tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 (1/1/2017: 889 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

14. Bất động sản đầu tư

	Nhà cửa VND
Nguyên giá	
Số dư đầu kỳ và cuối kỳ	70.468.849.375
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu kỳ	27.767.676.480
Khấu hao trong kỳ	1.607.793.384
Số dư cuối kỳ	29.375.469.864
Giá trị còn lại	
Số dư đầu kỳ	42.701.172.895
Số dư cuối kỳ	41.093.379.511

Bất động sản đầu tư của Tập đoàn thể hiện nhà cửa nắm giữ nhằm mục đích cho thuê.

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư cho thuê không được xác định bởi vì hiện nay chưa có hướng dẫn về xác định giá trị hợp lý sử dụng kỹ thuật định giá theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam hoặc Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và không có thị trường hoạt động cho loại bất động sản đầu tư này.

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

15. Xây dựng cơ bản dở dang

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017 VND	30/6/2016 VND
Số dư đầu kỳ	2.661.750.000	61.427.142.111
Tăng trong kỳ	17.528.151.817	12.733.313.817
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(3.142.017.145)	(39.587.671.311)
Chuyển sang bất động sản đầu tư	-	(34.164.000.000)
Số dư cuối kỳ	17.047.884.672	408.784.617

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND
Bộ xử lý kéo sợi Compact	17.047.884.672	-
Máy chải thô	-	2.661.750.000
	17.047.884.672	2.661.750.000

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

16. Đầu tư tài chính dài hạn

	30/6/2017						1/1/2017					
	Số lượng	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Số lượng	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư góp vốn vào:												
Công ty liên doanh												
• Công ty TNHH Việt Thắng Luch I	-	50,00%	50,00%	10.418.609.925	-	(*)	-	50,00%	50,00%	10.396.914.986	-	(*)
Công ty liên kết												
• Công ty Cổ phần Thương mại Dệt – May TP, Hồ Chí Minh	900.000	20,00%	20,00%	-	-	(*)	900.000	20,00%	20,00%	-	-	(*)
				<hr/>			<hr/>					
				10.418.609.925	-	(*)				10.396.914.986	-	(*)
				<hr/>			<hr/>			<hr/>		

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	30/6/2017			1/1/2017								
	Số lượng	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Số lượng	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Đơn vị khác												
• Công ty TNHH Dệt Việt Phú	-	12,00%		3.600.000.000	-	(*)	-	12,00%		3.600.000.000	-	(*)
• Công ty TNHH Thời trang Hiệp Thắng	-	18,29%		3.150.000.000	-	(*)	-	18,29%		3.150.000.000	-	(*)
• Công ty Cổ phần Phong Việt	100.000	10,00%		1.000.000.000	-	(*)	100.000	10,00%		1.000.000.000	-	(*)
				<u>7.750.000.000</u>	-	(*)				<u>7.750.000.000</u>	-	(*)
				<u>18.168.609.925</u>	-	(*)				<u>18.146.914.986</u>	-	(*)

(*) Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính dài hạn này để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư tài chính dài hạn này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam. Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính dài hạn này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Biến động các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017	30/6/2016
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	10.396.914.986	9.908.920.552
Lợi nhuận từ công ty liên doanh, liên kết	221.694.939	1.055.629.476
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	(200.000.000)	-
Số dư cuối kỳ	<u>10.418.609.925</u>	<u>10.964.550.028</u>

17. Chi phí trả trước dài hạn

	Công cụ và dụng cụ	Chi phí bảo trì	Khác	Tổng
	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu kỳ	9.053.684.673	4.396.134.097	1.335.183.695	14.785.002.465
Tăng trong kỳ	3.347.795.966	10.800.531.301	1.475.017.319	15.623.344.586
Phân bổ trong kỳ	(3.401.083.846)	(1.371.741.667)	(1.106.093.229)	(5.878.918.742)
Số dư cuối kỳ	<u>9.000.396.793</u>	<u>13.824.923.731</u>	<u>1.704.107.785</u>	<u>24.529.428.309</u>

18. Phải trả người bán

(a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp lớn

	30/6/2017	1/1/2017
	Giá gốc/Số có khả năng trả nợ	Giá gốc/Số có khả năng trả nợ
	VND	VND
Công ty TNHH Dệt Việt Phú	42.061.870.653	11.028.607.670
Tunica Fareast Ltd	19.564.818.525	6.311.379.722
Nantong Yiyi Interlining Co., Ltd.	22.313.079.439	6.622.603.896
Các nhà cung cấp khác	86.155.588.949	114.369.627.466
	<u>170.095.357.566</u>	<u>138.332.218.754</u>

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Phải trả người bán chi tiết theo kỳ hạn thanh toán

	30/6/2017	1/1/2017
	Giá gốc/Số có	Giá gốc/Số có
	khả năng trả nợ	khả năng trả nợ
	VND	VND
Ngắn hạn	170.095.357.566	138.332.218.754

(c) Phải trả người bán là các bên liên quan

	30/6/2017	1/1/2017
	Giá gốc/Số có	Giá gốc/Số có
	khả năng trả nợ	khả năng trả nợ
	VND	VND
Các bên liên quan khác:		
Công ty TNHH Dệt Việt Phú	42.061.870.653	11.028.607.670
Công ty TNHH Thời trang Hiệp Thắng	4.383.766.875	7.610.561.064

Khoản phải trả thương mại cho các bên liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong vòng 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

19. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	1/1/2017	Số phải nộp	Số đã nộp	30/6/2017
	VND	trong kỳ	trong kỳ	VND
		VND	VND	
Thuế giá trị gia tăng	2.802.075.676	35.112.576.631	(32.509.782.781)	5.404.869.526
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.492.939.432	13.043.797.256	(10.794.740.013)	6.741.996.675
Thuế thu nhập cá nhân	382.217.028	2.183.619.235	(1.221.176.832)	1.344.659.431
Thuế tài nguyên	17.501.200	82.820.000	(85.082.400)	15.238.800
Tiền thuê đất	-	5.655.049.333	(4.350.089.016)	1.304.960.317
Thuế môn bài	-	3.000.000	(3.000.000)	-
	7.694.733.336	56.080.862.455	(48.963.871.042)	14.811.724.749

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

20. Chi phí phải trả

	30/6/2017	1/1/2017
	VND	VND
Chi phí vận chuyển	-	9.756.763.184
Chi phí khác	1.741.981.130	1.466.120.493
	1.741.981.130	11.222.883.677

21. Phải trả khác

	30/6/2017	1/1/2017
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	945.382.133	1.192.456.254
Bảo hiểm xã hội	2.620.568.871	186.738.528
Cổ tức phải trả cho bên liên quan	16.479.500.000	29.900.325.000
Cổ tức phải trả cho bên thứ ba	786.405.000	27.621.038.700
Các khoản phải trả khác	1.653.769.069	2.447.276.789
	22.485.625.073	61.347.835.271

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

22. Vay

(a) Vay ngắn hạn

	1/1/2017		Biến động trong kỳ		30/6/2017	
	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn	651.966.921.393	651.966.921.393	922.517.992.657	(914.062.573.293)	660.422.340.757	660.422.340.757
Vay dài hạn đến hạn trả	41.154.806.199	41.154.806.199	36.879.377.903	(38.384.650.211)	39.649.533.891	39.649.533.891
	693.121.727.592	693.121.727.592	959.397.370.560	(952.447.223.504)	700.071.874.648	700.071.874.648

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	30/6/2017 VND	1/1/2017 VND
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (*)				
Khoản vay 1	VND	4,8 - 5,0%	245.051.788.712	223.470.445.125
Khoản vay 2	USD	2,0 - 2,2%	24.523.716.027	58.158.001.096
Khoản vay 3	USD	2,2%	62.303.572.248	62.971.080.906
Khoản vay 4	USD	2,1%	24.157.029.000	39.508.744.000
Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam)				
Khoản vay 5	VND	4,7% - 5,0%	17.703.869.433	-
Khoản vay 6	USD	1,7% - 2,0%	2.409.334.003	-
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (**)				
Khoản vay 7	VND	4,8 - 5,5%	-	52.958.949.472
Khoản vay 8	USD	2,0%	29.012.553.515	23.241.481.979
Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam				
Khoản vay 9	VND	4,5% - 4,7%	-	36.284.997.580
Khoản vay 10	USD	1,9% - 2,3%	10.245.708.742	10.876.612.051
Khoản vay 11	USD	1,9%	23.092.994.735	9.348.594.968
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng				
Khoản vay 12	USD	2,0% - 2,3%	-	37.629.883.756
Ngân hàng SinoPac – Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh				
Khoản vay 13	USD	2,0%	61.683.160.147	4.602.196.419
Ngân hàng ANZ (***)				
Khoản vay 14	USD	2,2%	48.527.314.072	9.167.264.738
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam				
Khoản vay 15	VND	4,6 - 5,0%	84.436.147.874	74.626.569.560
Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà thành phố Hồ Chí Minh				
Khoản vay 16	USD	2,0%	19.997.670.874	9.122.099.743
Ngân hàng ChinaTrust Commercial Bank – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh				
Khoản vay 11	VND	4,8%	7.277.481.375	-
			660.422.340.757	651.966.921.393

(*) Khoản vay ngân hàng được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình với giá trị ghi sổ tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 là 2.609 triệu VND (1/1/2017: 3.513 triệu VND) (Thuyết minh 12).

(**) Khoản vay ngân hàng được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình với giá trị ghi sổ tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 là 17.399 triệu VND (1/1/2017: 20.430 triệu VND) (Thuyết minh 12).

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(***) Khoản vay ngân hàng được đảm bảo bằng một số hàng tồn kho với giá trị ghi sổ tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 là 22.700 triệu VND (1/1/2017: 90.500 triệu VND) (Thuyết minh 11); và các khoản phải thu với giá trị ghi sổ tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 là 22.700 triệu VND (1/1/2017: không) (Thuyết minh 9).

(b) Vay dài hạn

	30/6/2017	1/1/2017
	VND	VND
Vay dài hạn	180.156.339.698	219.170.924.621
Hoàn trả trong vòng 12 tháng	(39.649.533.891)	(41.154.806.199)
	140.506.805.807	178.016.118.422

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	30/6/2017	1/1/2017
				VND	VND
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam					
Khoản vay 1	VND	10,9%	2020	9.232.680.364	12.310.080.364
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam					
Khoản vay 2	USD	4,0%	2020	70.889.653.990	78.805.062.410
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam					
Khoản vay 3	USD	4,1% - 4,3%	2022	87.930.800.000	113.722.100.000
Khoản vay 4	USD	4,0%	2018	12.103.205.344	14.333.681.847
				180.156.339.698	219.170.924.621

Khoản vay ngân hàng được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 là 433.459 triệu VND (1/1/2017: 461.679 triệu VND) (Thuyết minh 12).

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

23. Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ này được phân bổ từ lợi nhuận chưa phân phối theo phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Tập đoàn theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Tập đoàn.

Biến động của quỹ khen thưởng và phúc lợi trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/06/2017	30/06/2016
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	7.665.039.437	7.177.421.199
Trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối trong kỳ	12.015.665.855	3.770.415.055
Sử dụng quỹ trong kỳ	(2.767.229.562)	(2.206.440.451)
Số dư cuối kỳ	<u>16.913.475.730</u>	<u>8.741.395.803</u>

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

24. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Cổ đông không kiểm soát VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2016	210.000.000.000	3.062.727.273	66.203.825.426	219.283.564.218	68.426.803.204	566.976.920.121
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	60.501.643.043	2.821.805.865	63.323.448.908
Phân bổ vào các quỹ	-	-	1.523.614.761	(1.523.614.761)	-	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(3.255.245.399)	(515.169.656)	(3.770.415.055)
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2016	210.000.000.000	3.062.727.273	67.727.440.187	275.006.347.101	70.733.439.413	626.529.953.974
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	50.279.134.211	5.196.344.939	55.475.479.150
Cổ tức (Thuyết minh 26)	-	-	-	(52.500.000.000)	(4.687.312.500)	(57.187.312.500)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2017	210.000.000.000	3.062.727.273	67.727.440.187	272.785.481.312	71.242.471.852	624.818.120.624
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	46.864.353.727	1.876.697.481	48.741.051.208
Phân bổ vào các quỹ	-	-	1.769.018.798	(1.769.018.798)	-	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(11.469.937.070)	(545.728.785)	(12.015.665.855)
Cổ tức	-	-	-	-	(230.075.000)	(230.075.000)
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2017	210.000.000.000	3.062.727.273	69.496.458.985	306.410.879.171	72.343.365.548	661.313.430.977

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

25. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	30/06/2017		1/1/2017	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	21.000.000	210.000.000.000	21.000.000	210.000.000.000
Vốn cổ phần đã phát hành Cổ phiếu phổ thông	21.000.000	210.000.000.000	21.000.000	210.000.000.000
Số cổ phiếu đang lưu hành Cổ phiếu phổ thông	21.000.000	210.000.000.000	21.000.000	210.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

26. Cổ tức

Cuộc họp Hội đồng Quản trị của Công ty ngày 12 tháng 12 năm 2016 đã quyết định phân phối khoản cổ tức 52.500 triệu VND từ lợi nhuận chưa phân phối của năm 2016. Khoản cổ tức này đã được thông qua theo nghị quyết số 56/NQ-ĐHĐCĐ ngày 19 tháng 4 năm 2017 của đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2017.

27. Các quỹ thuộc nguồn vốn chủ sở hữu

Quỹ đầu tư và phát triển

Quỹ đầu tư và phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng hoạt động kinh doanh trong tương lai.

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

28. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

(a) Tài sản thuê ngoài

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được huỷ ngang như sau:

	30/6/2017	1/1/2017
	VND	VND
Trong vòng một năm	3.718.052.800	1.941.772.800
Trong vòng hai đến năm năm	4.111.201.200	1.466.925.600
Sau năm năm	10.201.210.800	10.351.597.200
	<hr/>	<hr/>
	18.030.464.800	13.760.295.600
	<hr/>	<hr/>

(b) Ngoại tệ

	30/6/2017		1/1/2017	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	112.012	2.540.976.622	199.254	4.521.356.307
		<hr/>		<hr/>

(c) Cam kết chi tiêu vốn

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, Tập đoàn có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

	30/6/2017	1/1/2017
	VND	VND
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	13.451.196.550	-
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	3.548.803.450	-
	<hr/>	<hr/>
	17.000.000.000	-
	<hr/>	<hr/>

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

29. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017	30/6/2016
	VND	VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán thành phẩm	973.604.359.289	875.338.207.824
▪ Bán hàng hóa	300.510.050.625	200.234.185.060
▪ Cung cấp dịch vụ	11.123.683.833	23.972.179.435
▪ Bán phế liệu	12.242.671.072	9.031.738.480
▪ Cho thuê bất động sản đầu tư	9.142.378.090	5.331.039.777
	<hr/> 1.306.623.142.909	<hr/> 1.113.907.350.576
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Hàng bán bị trả lại	(342.962.835)	(441.361.740)
▪ Chiết khấu thương mại	(791.607.193)	(49.699.425)
	<hr/> (1.134.570.028)	<hr/> (491.061.165)
Doanh thu thuần	<hr/> 1.305.488.572.881	<hr/> 1.113.416.289.411

30. Giá vốn hàng bán

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017	30/6/2016
	VND	VND
Tổng giá vốn hàng bán của:		
▪ Thành phẩm đã bán	836.467.384.660	750.189.268.468
▪ Hàng hoá đã bán	296.750.470.827	197.083.907.245
▪ Dịch vụ đã cung ứng	7.156.771.154	14.012.678.489
▪ Phế liệu đã bán	11.646.343.836	8.551.041.546
▪ Chi phí kinh doanh bất động sản đầu tư cho thuê	3.241.703.924	1.468.710.721
▪ Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(660.677.851)	-
	<hr/> 1.154.601.996.550	<hr/> 971.305.606.469

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

31. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017	30/6/2016
	VND	VND
Lãi chênh lệch tỷ giá	2.512.026.247	6.248.855.383
Tiền phạt do khách hàng chậm thanh toán	401.331.561	746.632.546
Thu nhập từ cổ tức	-	300.000.000
Lãi tiền gửi ngân hàng	2.683.844.069	74.553.221
	<hr/>	<hr/>
	5.597.201.877	7.370.041.150

32. Chi phí tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017	30/6/2016
	VND	VND
Chi phí lãi vay	14.800.188.623	14.413.867.368
Lỗ chênh lệch tỷ giá	947.070.194	2.064.307.552
	<hr/>	<hr/>
	15.747.258.817	16.478.174.920

33. Chi phí bán hàng

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017	30/6/2016
	VND	VND
Chi phí vận chuyển	14.443.498.375	9.052.030.061
Chi phí hoa hồng	3.085.131.856	6.089.232.724
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.506.304.062	4.499.624.624
Chi phí nhân viên	3.149.091.540	2.453.321.988
Chi phí quảng cáo và khuyến mãi	4.814.168.551	2.351.778.780
Chi phí khấu hao và phân bổ	626.173.128	581.544.275
Chi phí công cụ và dụng cụ	178.825.354	228.884.563
Chi phí bán hàng khác	333.797.682	369.233.798
	<hr/>	<hr/>
	31.136.990.548	25.625.650.813

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

34. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017	30/6/2016
	VND	VND
Chi phí nhân viên	24.603.188.910	27.552.191.832
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.609.722.190	11.223.631.062
Chi phí thuế, phí và lệ phí	6.915.169.606	6.103.187.664
Chi phí khấu hao và phân bổ	1.826.100.070	2.153.233.502
Chi phí công cụ và dụng cụ	806.168.614	1.036.097.329
Chi phí dự phòng phải thu khó đòi	(280.000.000)	754.285.670
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	5.179.687.720	4.130.854.786
	48.660.037.110	52.953.481.845

35. Thu nhập khác

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017	30/6/2016
	VND	VND
Thu nhập từ hợp đồng hợp tác	-	25.000.000.000
Lãi do thanh lý tài sản cố định	118.990.909	378.409.091
Thu nhập khác	739.953.557	112.628.818
	858.944.466	25.491.037.909

36. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017	30/6/2016
	VND	VND
		Đã phân loại lại
Chi phí nguyên vật liệu bao gồm trong chi phí sản xuất	778.312.006.799	638.587.342.189
Chi phí nhân công	138.996.830.018	162.855.583.602
Chi phí khấu hao	57.295.351.014	56.556.800.463
Chi phí khác	174.266.307.370	131.354.665.817

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

37. Thuế thu nhập

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017 VND	30/6/2016 VND
Chi phí thuế hiện hành		
Năm hiện hành	13.043.797.256	16.080.767.704
Dự phòng thiếu trong những kỳ trước	-	786.028.695
	<hr/>	<hr/>
Chi phí thuế thu nhập	13.043.797.256	16.866.796.399

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017 VND	30/6/2016 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	61.784.848.464	80.190.245.307
	<hr/>	<hr/>
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	12.356.969.693	16.038.049.061
Chi phí không được khấu trừ thuế	691.166.551	313.844.539
Thu nhập không bị tính thuế	(4.338.988)	(271.125.896)
Dự phòng thiếu trong những kỳ trước	-	786.028.695
	<hr/>	<hr/>
	13.043.797.256	16.866.796.399

(c) Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản trong Luật thuế thu nhập Công ty và các công ty con có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế (2016: 20%).

Thu nhập từ hoạt động đầu tư sẽ không chịu thuế thu nhập doanh nghiệp, mà do bên nhận đầu tư đã tính thuế thu nhập doanh nghiệp.

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

38. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi số dự kiến phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền, chi tiết như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017	30/6/2016
	VND	VND
Lợi nhuận thuần trong kỳ	46.864.353.727	60.501.643.043
Số phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi (ngân sách)	(4.686.435.373)	(3.255.245.399)
	<hr/>	<hr/>
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	42.177.918.354	57.246.397.644
	<hr/>	<hr/>

(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017	30/6/2017
	VND	VND
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6	21.000.000	21.000.000
	<hr/>	<hr/>

39. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động đầu tư

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2017	30/6/2016
	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang đã mua nhưng chưa thanh toán	17.047.884.672	-
	<hr/>	<hr/>

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

40. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, trong kỳ Tập đoàn có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Giá trị giao dịch	
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2017 VND	30/6/2016 VND
Công ty liên doanh và liên kết		
Công ty TNHH Việt Thắng – Luch I		
Thu nhập cho thuê	502.560.000	502.560.000
Thu nhập khác	1.495.087.793	3.074.507.854
Bán thành phẩm	1.995.498.127	-
Cho vay	12.250.000.000	10.200.000.000
Thu nhập lãi cho vay	-	9.458.334
Các bên liên quan khác		
Công ty TNHH Dệt Việt Phú		
Bán thành phẩm và hàng hóa	122.395.212.739	34.263.668.564
Bán dụng cụ và phụ tùng	-	3.134.955.750
Thu nhập cho thuê	2.963.413.636	2.536.022.728
Thu nhập khác	5.684.616.262	916.258.589
Mua hàng hóa	366.919.243.361	246.158.664.992
Phí dịch vụ khác	64.788.597	1.345.265.720
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	20.000.000	-
Công ty TNHH MTV Dệt kim Đông Phương		
Bán thành phẩm	26.347.389.825	21.171.714.200
Dịch vụ gia công	-	1.283.978.225
Mua hàng hóa	12.548.288.183	-
Công ty TNHH Thời trang Hiệp Thắng		
Bán thành phẩm	152.246.418	2.425.674.100
Dịch vụ gia công	11.911.196.281	-
Công ty Cổ phần Quốc tế Phong Phú		
Bán thành phẩm	2.760.799.500	5.125.466.235
Doanh thu gia công	1.024.458.900	1.046.785.100
Tổng Công ty May Nhà Bè - CTCP		
Bán thành phẩm	1.605.675.450	1.948.179.300
Doanh thu gia công	20.300.350	6.057.450

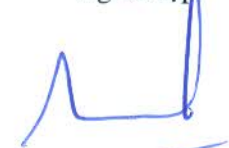
Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2017 VND	30/6/2016 VND
Tổng Công ty Cổ phần Đức Giang – CTCP Bán thành phẩm	861.590.700	1.918.785.999
Công ty Cổ phần Vinatex Quốc tế – Chi nhánh Đà Nẵng Bán thành phẩm và hàng hóa	14.724.099.790	2.997.700
Công ty Cổ phần Dệt - Dệt May Nam Định Bán thành phẩm và hàng hóa	5.091.457.400	-
Công ty Cổ phần May Phương Đông Bán thành phẩm	2.198.315.200	-
Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban quản lý Lương và thưởng	3.282.389.217	2.936.034.832

Ngày 25 tháng 8 năm 2017

Người lập:



Lê Thiết Hùng
Kế toán trưởng

Người duyệt:




Nguyễn Đức Khiêm
Tổng Giám đốc